TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 03.7.2020
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.
2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020, về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST.DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐ-ST.DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP A
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chủ tịch HĐQT
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Trung K, giám đốc ngân hàng TMCP A, chi nhánh Bình Định.
Người được ủy quyền lại: Ông Hồ P, trưởng phòng phát triển kinh doanh
Địa chỉ: Số 333 đường T, phường T, Tp.Q, tỉnh Bình Định.
Theo các văn bản ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24.01.2019, quyết định số 218/QĐ-DAB-PC ngày 19.3.2029 và quyết định số 138/QĐ-BĐH ngày 30.6.2020.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ông Mai Đức T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn được ủy quyền ông Hồ P trình bày*: Vào ngày 05.4.2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh D, ông Mai Đức T và Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Bình Định ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0855688-0124029201-T17062 vay tín chấp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 05/4/2017 đến ngày 05.4.2018, lãi suất vay 11%/năm, mục đích mua bán. Sau khi vay thì tổng tiền vay gốc và tiền lãi trả cho Ngân hàng là 22.200.000đ (trong đó tiền vay gốc 20.000.000đ, tiền lãi 2.200.000đ) và trả nợ theo phương thức trả vốn và tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ, tháng cuối cùng trả 200.000đ. Trong quá trình vay từ ngày 05.4.2017 đến ngày 27.11.2017, vợ chồng bà D trả tiền vay gốc là 12.223.077đ, tiền lãi trong hạn 1.776.923đ, tổng cộng 14.000.000đ. Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu vợ chồng bà D ông T hoàn trả tiền vay gốc còn nợ là 7.776.923đ, tiền lãi trong hạn 423.077đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 03.7.2020 là 3.713.229đ, tổng cộng 11.913.229đ và tiền lãi phát sinh sau ngày 03.7.2020 cho đến khi thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay.

***** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức T trình bày*:

Vào năm 2017 vợ chồng ông vay của Ngân hàng TMCP A chi nhánh Bình Định thông qua tổ vay phụ nữ Khu vực V, phường N số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn 01 năm, lãi suất 11%/năm. Ông nhớ không chính xác số tiền vay gốc, tiền lãi còn nợ nhưng ước chừng tiền vay gốc còn nợ khoảng hơn 4.000.000đ. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền vay gốc là 7.776.923đ và tiền lãi trong hạn, tiền lãi qúa hạn tính đến ngày 28.4.2020, tổng cộng là 11.251.335đ thì ông xin được trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 500.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Điều 463 và Luật tổ chức các tín dụng

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh D cùng người liên quan là ông Mai Đức T phải có nghĩa vụ trả số tiền 11.913.229đ và tiền lãi phát sinh sau ngày 03.7.2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Bác yêu cầu xin trả dần của ông Mai Đức T vì không được Ngân hàng đồng ý.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Mai Đức T có địa chỉ tại khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định hoàn trả tiền vay gốc, tiền lãi còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" và còn trong thời hiệu khởi kiện. Theo quy định Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0855688-0124029201-T17062 ngày 05.4.2017 giữa Ngân hàng TMCP A với bà Nguyễn Thị Thanh D thì bà D vay tín chấp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 05/4/2017 đến ngày 05.4.2018, lãi suất vay 11%/năm, lãi quá hạn tính 150% lãi trong hạn. Tổng tiền vay gốc và tiền lãi trả cho Ngân hàng là 22.200.000đ (trong đó tiền vay gốc 20.000.000đ, tiền lãi 2.200.000đ), trả nợ theo phương thức trả vốn và tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ, tháng cuối cùng trả 200.000đ. Hợp đồng này được hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về giao dịch dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng TMCP A đã giải ngân cho bà D nhận số tiền vay 20.000.000đ.

[2.2] Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn thông báo cho bà Nguyễn Thị Thanh D biết về việc Tòa án thụ lý vụ án do Ngân hàng TMCP A khởi kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo. Nhưng bà D không có mặt trong qúa trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của bà D phản đối về các yêu cầu mà nguyên đơn đưa ra. Qua lời khai của

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức T (chồng bà D) xác định vào năm 2017 vợ chồng ông có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Bình Định thông qua tổ vay phụ nữ khu vực V, phường N vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm là hoàn toàn phù hợp với đơn khởi kiện, lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Tuy nhiên ông T xác định thời gian qua vợ chồng ông đã trả tiền cho Ngân hàng, còn nợ tiền vay gốc khoảng hơn 4.000.000đ nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP A yêu cầu vợ chồng bà D ông T hoàn trả tiền vay gốc 7.776.923đ, tiền lãi trong hạn 423.077đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 03.7.2020 là 3.713.229đ, tổng cộng 11.913.229đ và tiền lãi phát sinh sau ngày 03.7.2020 cho đến khi thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay. Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện vợ chồng bà D ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc 12.223.077đ, tiền lãi trong hạn 1.776.923đ, tổng cộng 14.000.000đ. Kể từ ngày 27.11.2017 đến nay bà D không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán. Việc vợ chồng bà D, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D, ông T thanh toán tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn còn nợ là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận buộc vợ chồng bà D, ông T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A số tiền vay gốc 7.776.923đ, tiền lãi trong hạn 423.077đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 03.7.2020 là 3.713.229đ, tổng cộng 11.913.229đ.

[2.5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm thì "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này". Nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh D, ông Mai Đức T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[2.6] Ông Mai Đức T yêu cầu xin trả trả dần mỗi tháng 500.000đ nhưng không được đại diện Ngân hàng TMCP A đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vợ chồng bà D, ông T phải chịu án phí 595.661đ [cách tính: (11.913.229đ x 5%)]. Ngân

hàng TMCP A không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự; Án Lệ số 08/2016AL; các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức các tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A

2/ Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh D, ông Mai Đức T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP A số tiền vay gốc 7.776.923đ, tiền lãi trong hạn 423.077đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 03.7.2020 là 3.713.229đ, tổng cộng 11.913.229đ (mười một triệu, chín trăm mười ba nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng).

3/ Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh D, ông Mai Đức T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh từ ngày 04/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0855688-0124029201-T17062 ngày 05.4.2017.

4/ Bác yêu cầu xin trả dần của ông T vì không được Ngân hàng TMCP A đồng ý và không có căn cứ pháp luật.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh D, ông Mai Đức T phải chịu 595.661đ (năm trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004923 ngày 12.3.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

6/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ